TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/6/2022
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Cai Tấn P, sinh năm 1984; (vắng mặt có đơn)

ĐKTT: Số 316/TT ấp TT, xã BT, huyện BT, tỉnh BT.

- *Bị đơn*: Chị Diếp Thị Thu H, sinh năm 1987; (vắng mặt có đơn)

ĐKTT: Số 316/TT ấp TT, xã BT, huyện BT, tỉnh BT .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Cai Tấn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Diếp Thị Thu H tự nguyện kết hôn vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Thuận vào ngày 02/12/2005. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng không còn hạnh phúc do có nhiều quan điểm bất đồng. Anh đã nhiều lần Hn gắn tình cảm nhưng không đạt được. Do nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng Hn gắn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Diếp Thị Thu H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cai Thanh T, sinh ngày 16/7/2004 và Cai Tấn N, sinh ngày 08/11/2007. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn chị Diếp Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Cai Tấn P

Về con chung: Khi ly hôn chị đồng ý để 02 con chung tên Cai Thanh T, sinh ngày 16/7/2004 và Cai Tấn N, sinh ngày 08/11/2007 chị đồng ý để cho anh P nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về thủ tục*: Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp tống đạt các văn bản cho đương sự, gởi thông báo thụ lý, hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp Hnh đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nên đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Cai Tấn P được ly hôn với chị Diếp Thị Thu H.

+ Về con chung: Giao con chung Cai Thanh T, sinh ngày 16/7/2004 và Cai Tấn N, sinh ngày 08/11/2007 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Cai Tấn P và bị đơn chị Diếp Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Cai Tấn P và bị đơn chị Diếp Thị Thu H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cai Tấn P và chị Diếp Thị Thu H kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân của anh P và chị H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh P cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu ly hôn cùng chị H. Kết quả xác minh tại địa phương không nắm rõ về mâu thuẫn giữa anh P và chị H, tuy nhiên, qua việc chị H biết được yêu cầu của anh P và chị cũng có văn bản trình bày ý kiến chị đồng ý với yêu cầu của anh P. Mặc khác, hai bên cố gắng Hn gắn nhưng cả hai vẫn không thể Hn gắn. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của anh P và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của anh P là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh P và chị H có 02 con chung tên Cai Thanh T, sinh ngày 16/7/2004 và Cai Tấn N, sinh ngày 08/11/2007. Xét yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Cai Thanh T, sinh ngày 16/7/2004 và Cai Tấn N, sinh ngày 08/11/2007 là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học Hnh cũng như tâm sinh lý của cháu T và cháu N và

cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Do đó, HĐXX chấp nhận giao con chung Cai Thanh T, sinh ngày 16/7/2004 và Cai Tấn N, sinh ngày 08/11/2007 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên được HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Cai Tấn P phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Cai Tấn P đối với chị Diếp Thị Thu H. Anh Cai Tấn P được ly hôn với chị Diếp Thị Thu H.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Cai Thanh T, sinh ngày 16/7/2004 và Cai Tấn N, sinh ngày 08/11/2007. Anh P được quyền trực tiếp nuôi cháu Cai Thanh T, sinh ngày 16/7/2004 và Cai Tấn N, sinh ngày 08/11/2007. Ghi nhận anh P tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xét đến.

4. Về án phí: Anh Cai Tấn P phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào biên lai thu tiền số 0003291 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Ba Tri.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *UBND xã Bảo Thuận (Ba Tri, Bến Tre);*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu